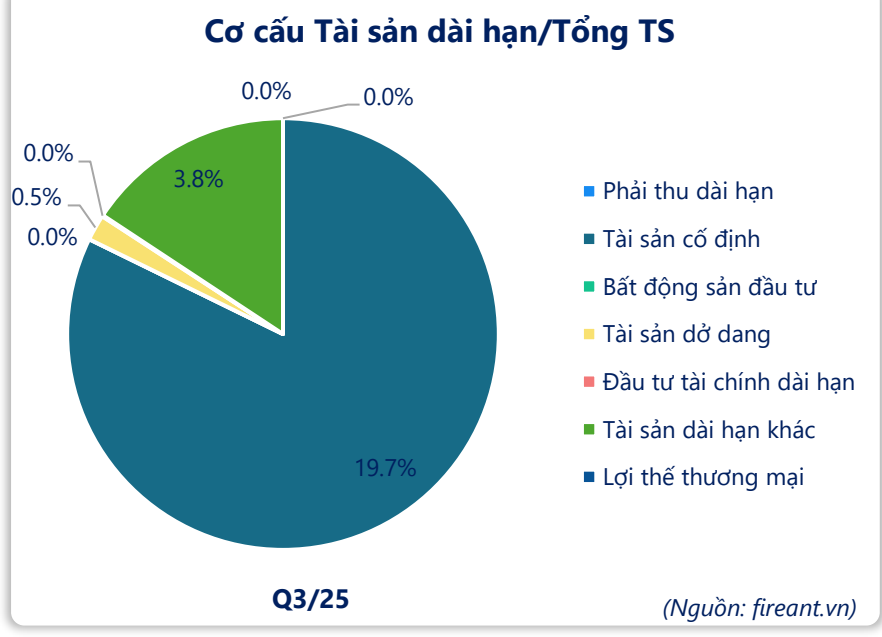
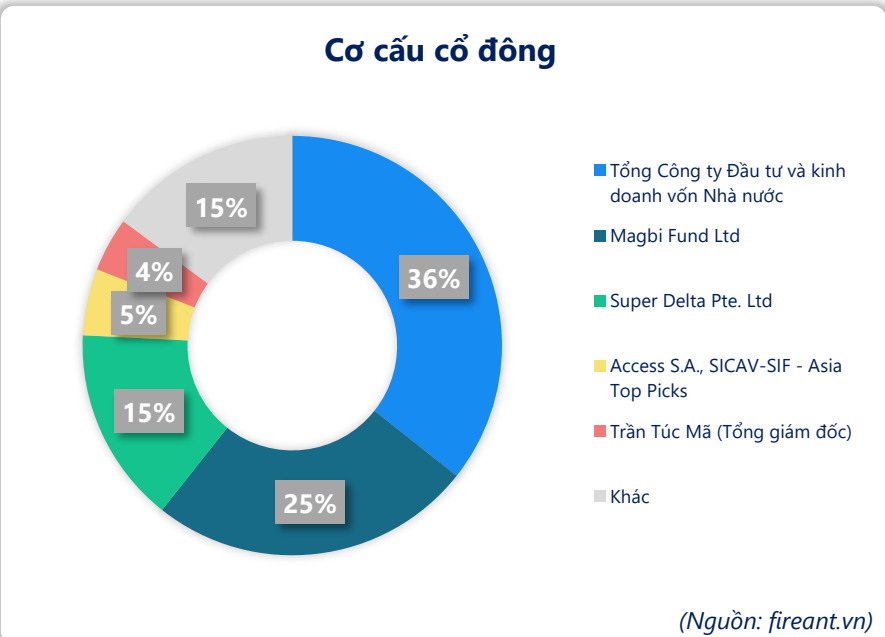
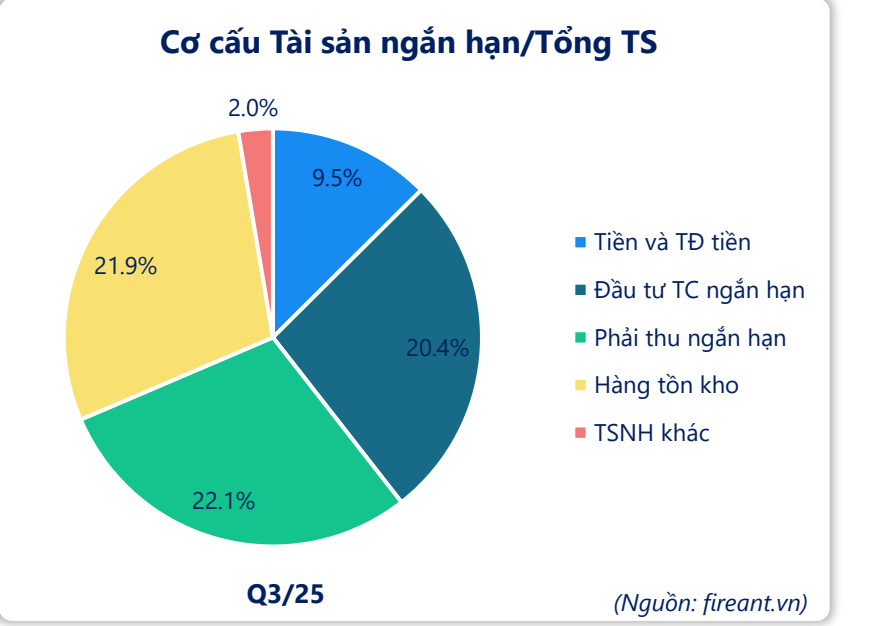
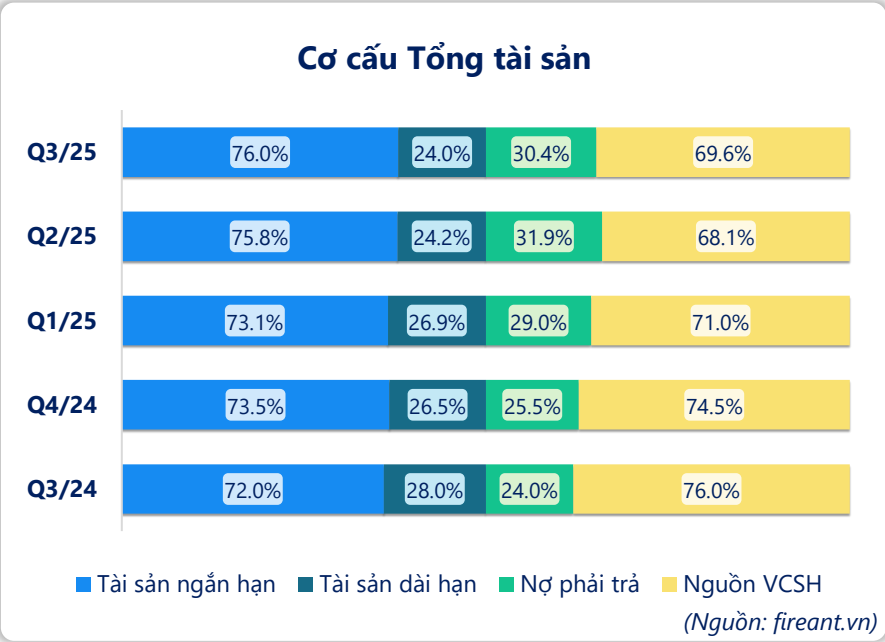
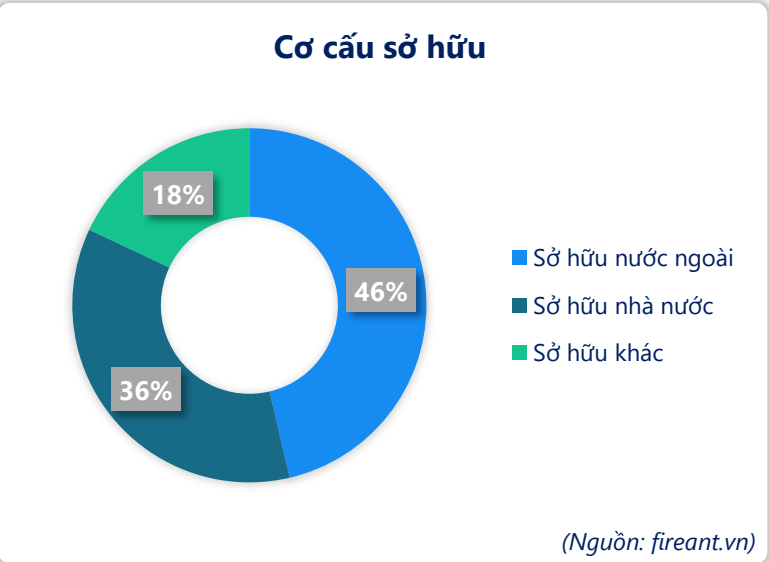
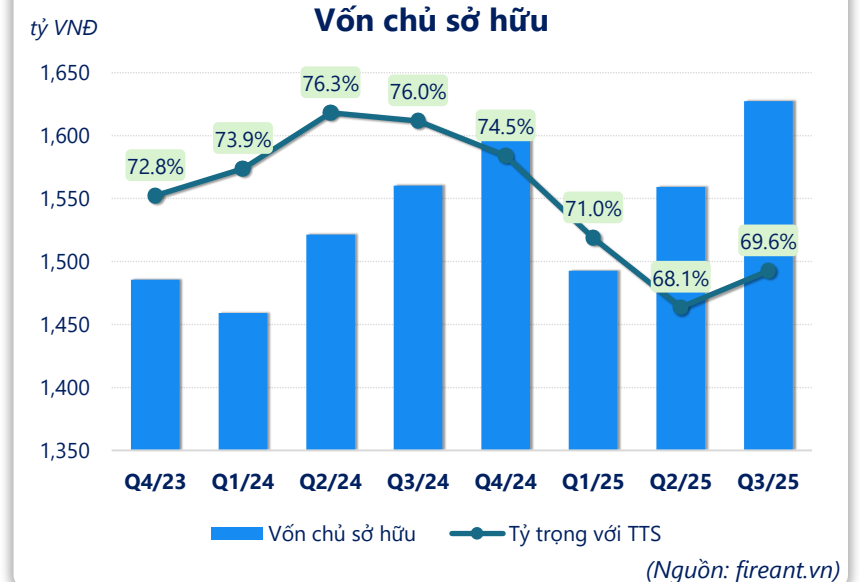
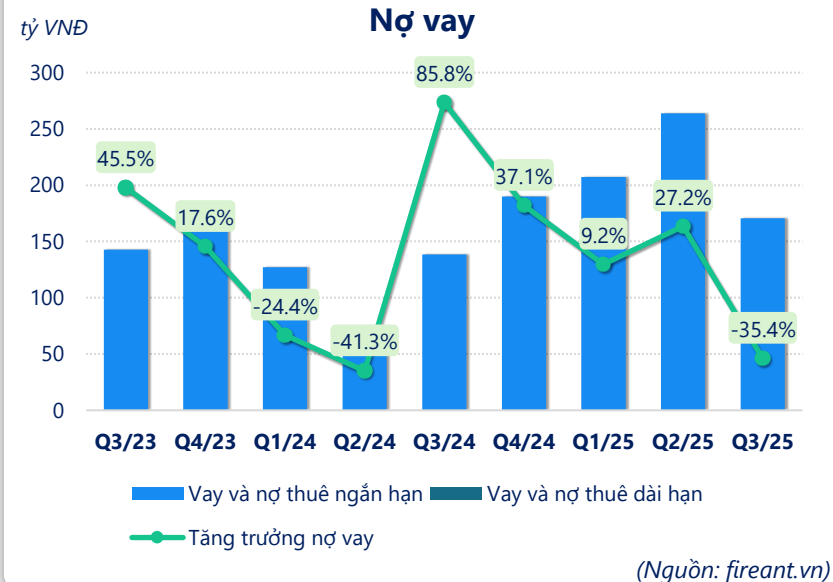
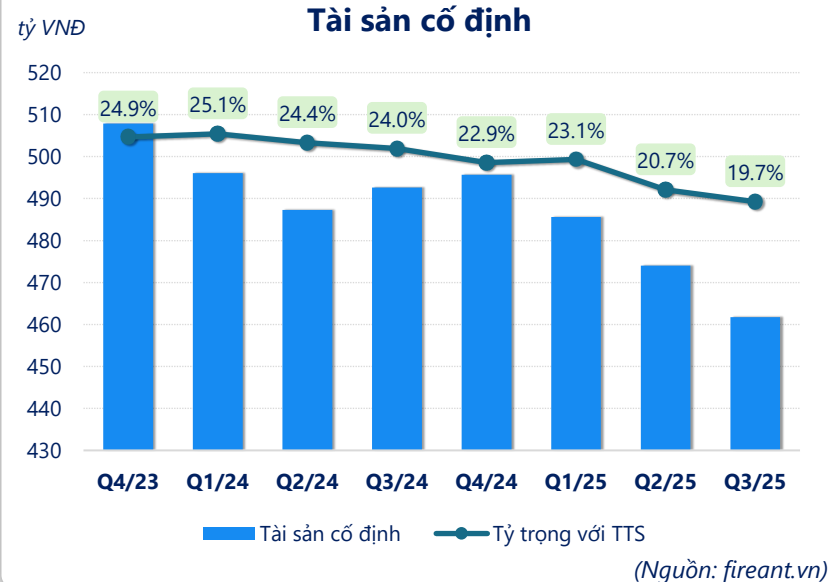
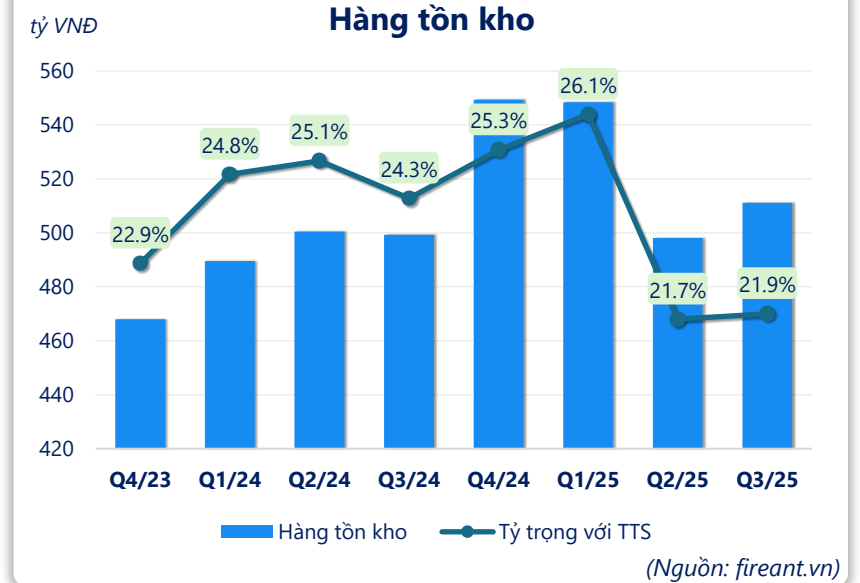
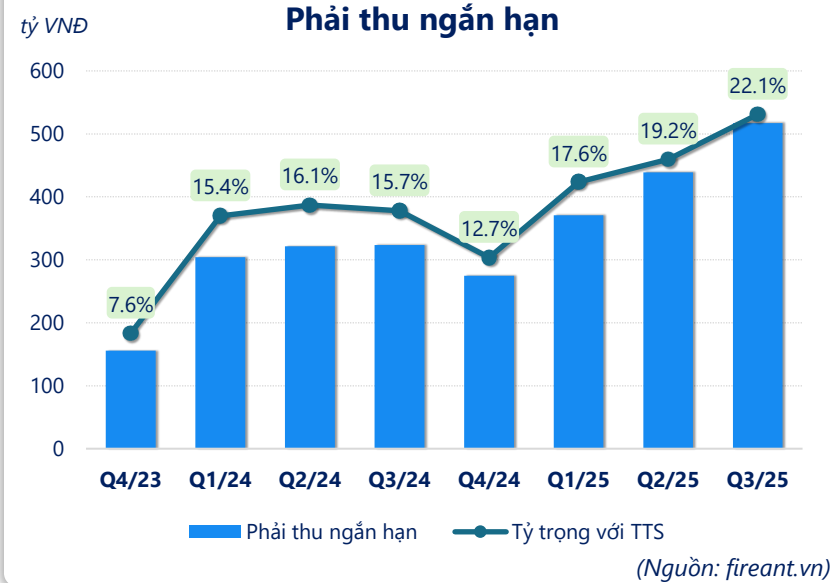
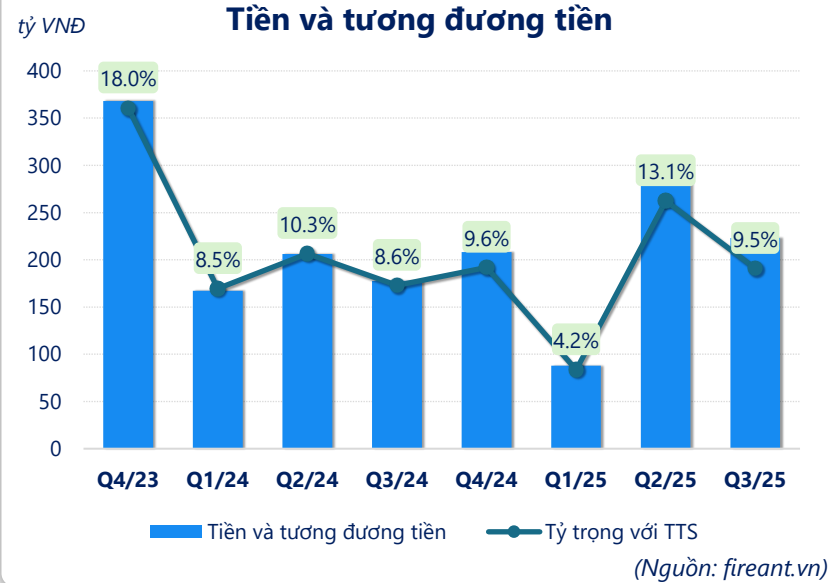
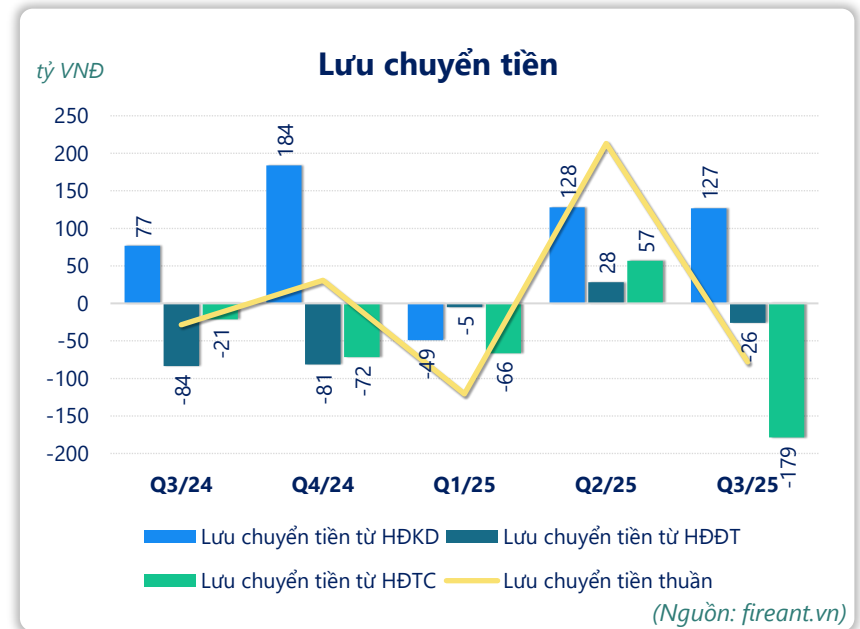
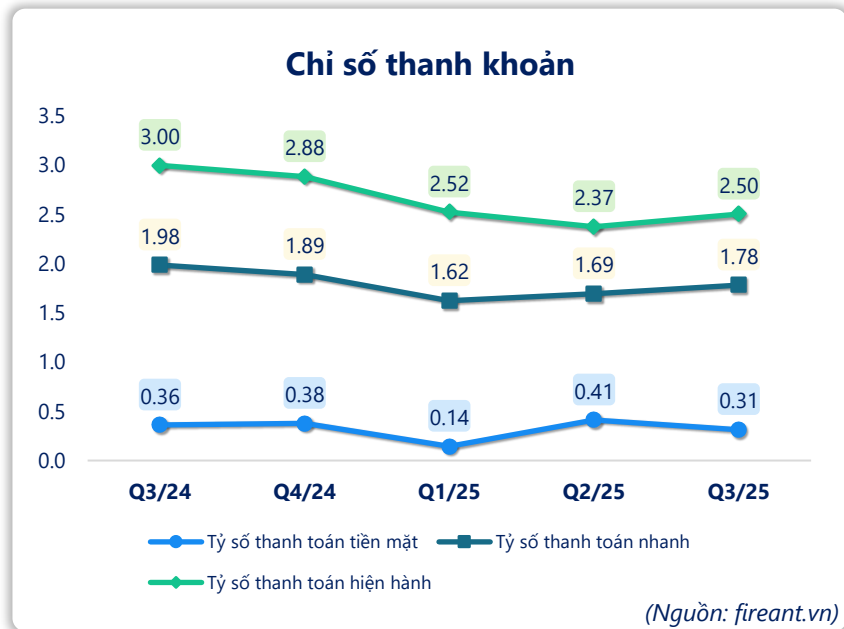
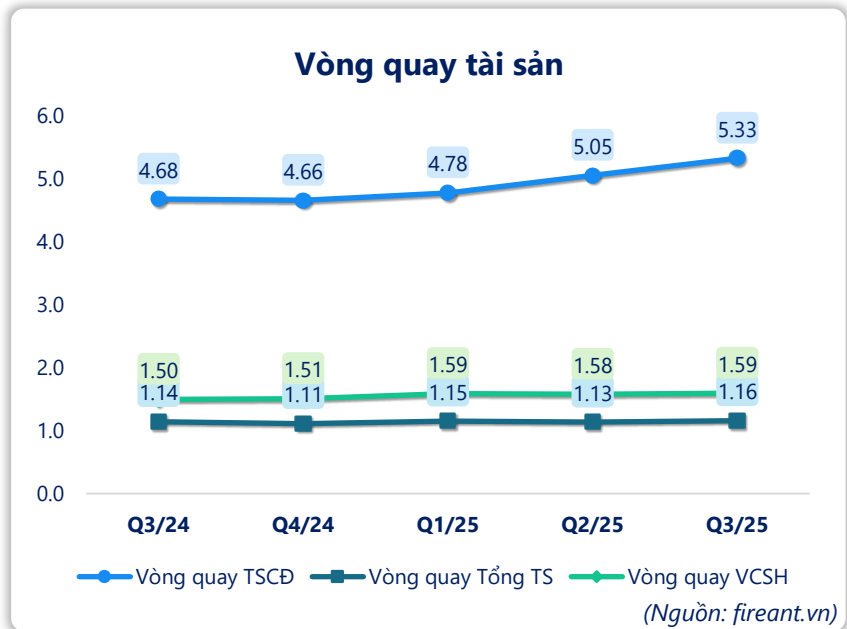
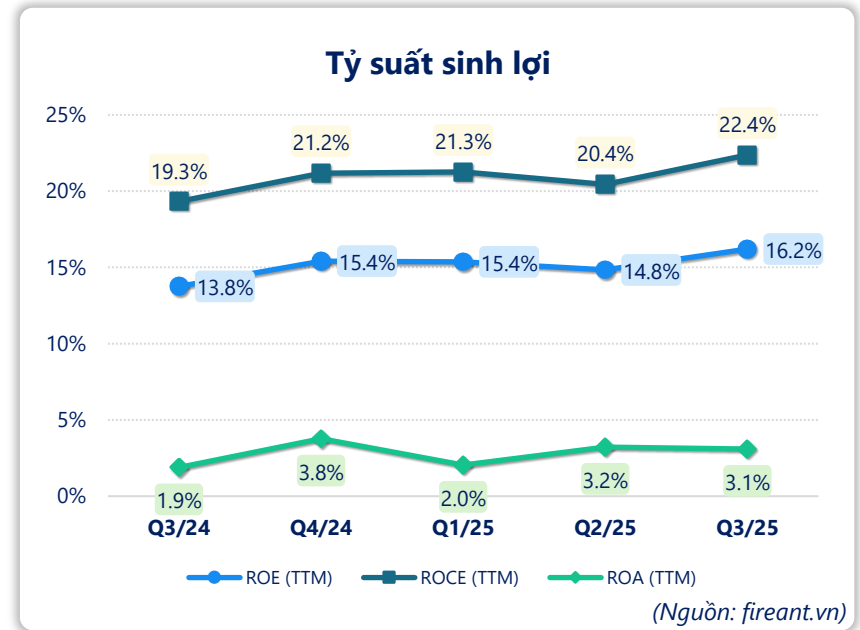
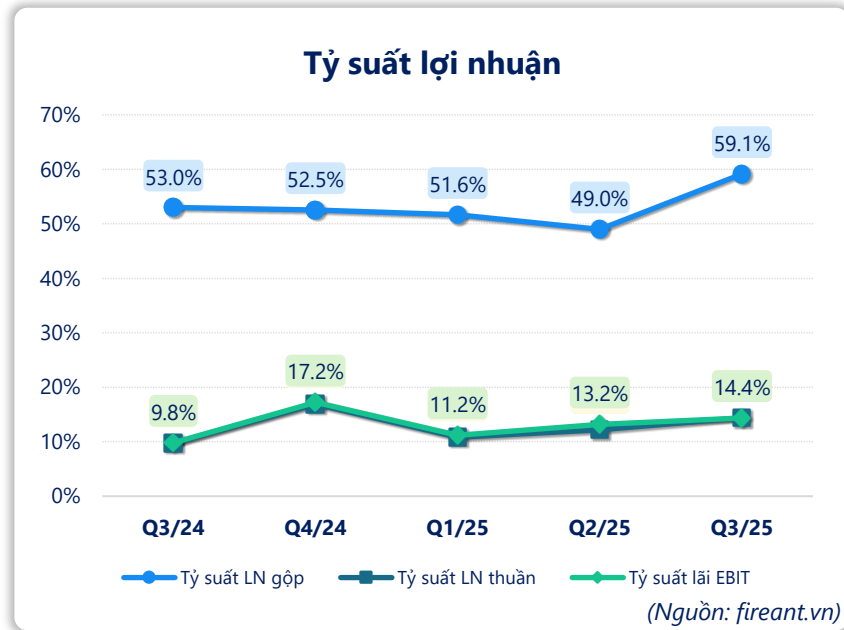
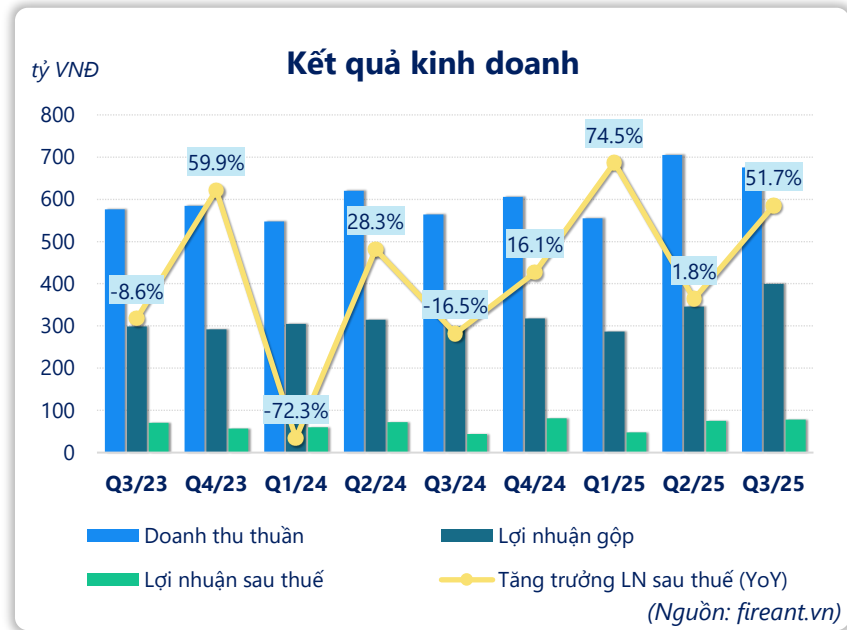


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		66,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		75,377
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		64,581
SL cổ phiếu LH		41,450,540
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,250
% sở hữu nước ngoài		46.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,765
P/E		10.7
EPS		6,231

	YTD	1T	3T	6T
TRA	-11.5%	-0.6%	-0.7%	-7.9%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,338	2,169	7.8%
Tài sản ngắn hạn	1,777	1,594	11.5%
Tiền và tương đương tiền	223	208	7.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	478	522	-8.4%
Phải thu ngắn hạn	517	275	88.4%
Hàng tồn kho	511	549	-7.0%
Tài sản ngắn hạn khác	47.3	40.1	17.8%
Tài sản dài hạn	561	575	-2.3%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	462	496	-6.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	10.9	14.0	-21.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.50	0.50	0.0%
Tài sản dài hạn khác	88.3	64.8	36.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	710	636	11.7%
Nợ ngắn hạn	710	636	11.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	171	190	-10.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	230	181	27.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,628	1,533	6.2%
Vốn chủ sở hữu	1,627	1,532	6.2%
Vốn điều lệ	415	415	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.25	0.35	-28.6%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	564	606	555	705	676
Giá vốn hàng bán	265	287	268	360	276
Lợi nhuận gộp	299	318	287	345	400
Doanh thu HĐTC	4.85	5.26	6.49	6.20	6.37
Chi phí TC	0.52	2.09	2.46	2.87	2.51
Chi phí lãi vay	0.64	1.34	1.85	1.70	2.01
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	166	142	156	186	226
Chi phí QLDN	82.4	77.2	74.4	76.9	80.5
LN thuần từ HĐKD	54.7	102	60.1	85.8	97.4
Lợi nhuận khác	-0.01	0.55	0.28	5.55	-2.35
LN trước thuế	54.7	103	60.4	91.3	95.1
Lợi nhuận sau thuế	43.7	81.3	47.7	74.8	78.3
LNST của CĐ cty mẹ	38.2	79.4	41.7	69.2	68.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	76.6	184	-49.1	128	127
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-83.6	-81.4	-5.06	28.2	-26.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-21.4	-71.7	-66.4	56.8	-179
Tiền đầu kỳ	206	178	208	87.8	301
Lưu chuyển tiền thuần	-28.3	30.6	-121	213	-78.0
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.11	0.15	0.10	-0.24	0.29
Tiền cuối kỳ	178	208	87.8	301	223

(Nguồn: fireant.vn)